

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2019

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2015 và các văn bản hướng dẫn Luật doanh nghiệp.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 24/4/2018;
Đại hội đồng cổ đông công ty năm 2019 được thực hiện theo quy chế sau đây:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (Đại hội) của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty).
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thành công và tuân thủ các quy định của Pháp luật.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự họp Đại hội: Cổ đông sở hữu cổ phần của SD9 theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 01/4/2019 hoặc những người được ủy quyền tham gia họp lệ.



2. Quyền của cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:
 - a. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội bằng văn bản theo mẫu Công ty quy định.
 - b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;
 - c. Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo.
 - d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận **Phiếu biểu quyết** sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.
 - e. Cổ đông, người được ủy quyền của cổ đông dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:
 - a. Cổ đông hay người được ủy quyền của cổ đông dự họp khi tham dự Đại hội phải xuất trình các giấy tờ theo quy định tại **Thông báo mời họp** và đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.
 - b. Ăn mặc lịch sự, ứng xử văn minh lịch sự, không gây mất trật tự.
 - c. Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo Điều 12 của quy chế này, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội.
 - d. Biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.
 - e. Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - f. Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường trong Đại hội.
 - g. Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội.
 - h. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội

1. Ban tổ chức Đại hội gồm một (01) Trưởng Ban và một số thành viên do Hội đồng quản trị công ty quyết định thành lập để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

- a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình giấy tờ chứng minh tư cách như Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, thông báo mời họp, Giấy ủy quyền. (đối với đại diện được ủy quyền);
 - b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp **Phiếu biểu quyết** và các tài liệu họp liên quan khác;
 - c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại thời điểm: Trước khi khai mạc Đại hội;
 - d. Thực hiện các công việc khác do Chủ tọa Đại hội phân công.
2. Ban tổ chức Đại hội có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua;
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng **Phiếu biểu quyết**, thể thức biểu quyết, và tiến hành kiểm phiếu.
3. Lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu;
4. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;
5. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Chủ tọa là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tọa có thể chỉ định một số người là thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc lên bàn Chủ tọa để phối hợp điều khiển cuộc họp.
2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (*phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty*) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc

0848
JNG
Ồ PH
JNG
TULIEM

họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.
6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.
7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.
8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THẺ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội ngày 01/4/2019.
2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội lần 2 sẽ được tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết như quy định tại Điều 11 của Quy chế này.
3. Đại hội bế mạc sau khi Nghị quyết, Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội

1. Các quyết định của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp tại Đại hội.
2. Riêng nội dung trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty : “ *Ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị từ ba mươi lăm phần trăm trở lên (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất*” được thông qua khi có sự chấp thuận của cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết đề **tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến** đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 10. Phiếu biểu quyết

1. **Phiếu biểu quyết** phải đóng dấu treo của Công ty do Ban tổ chức Đại hội phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp.
2. Giá trị biểu quyết của **Phiếu biểu quyết** tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự họp Đại hội.

Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Việc biểu quyết các nội dung không ghi trong phiếu biểu quyết được thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp bằng giơ tay tại Đại hội.
2. Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc đưa ra duy nhất một phương án như tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng nội dung cần lấy ý kiến và được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký xác nhận và cho vào hòm phiếu.
3. Tính hợp lệ của **Phiếu biểu quyết**:
 - a. **Phiếu biểu quyết hợp lệ**:
 - Là **Phiếu biểu quyết** do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có dấu treo của Công ty;
 - **Phiếu biểu quyết** không bị rách, tẩy xóa, cạo sửa.
 - b. **Phiếu biểu quyết không hợp lệ**:
 - **Phiếu biểu quyết** không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
 - **Phiếu biểu quyết** không có dấu treo của Công ty;
 - **Phiếu biểu quyết** bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;
 - **Phiếu biểu quyết** không đánh dấu phương án nào;
 - **Phiếu biểu quyết** đánh dấu từ 2 phương án trở lên;
4. Cách tính kết quả nội dung biểu quyết: Số cổ phần biểu quyết **chia cho** số cổ phần tham dự đại hội (*chia cho số phiếu phát ra tương ứng với số cổ phần*)

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự Đại hội và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa.

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận. Đại hội thống nhất tổng thời gian phát biểu của một cổ đông không quá 05 phút, nếu quá thời lượng này, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập câu hỏi, kiến nghị bằng văn bản gửi tới Ban Thư ký và Ban chủ tọa sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Biên bản Đại hội

1. Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.
2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.
4. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 14. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua và công bố trên website của Công ty trong vòng 24h kể từ khi Đại hội bế mạc.

Điều 15. Hiệu lực thi hành của Quy chế

1. Quy chế này gồm 3 Chương, 15 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;
2. Đại hội quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Trên đây là dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9; Kinh trình Đại hội thông qua. Sau khi Đại hội thông qua thì các nội dung và diễn biến tại Đại hội sẽ được thực hiện theo quy chế này. Trân trọng./

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2019

QUY CHẾ BẦU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Bộ tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng trong công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 26/4/2018;

- Tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2019, Đại hội sẽ bầu Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị (trong đó có Một thành viên độc lập HĐQT).

- Việc bầu cử được tiến hành cụ thể như sau:

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần và đại diện theo ủy quyền tại thời điểm chốt danh sách ngày 01/4/2019 tham dự Đại hội thì có quyền tham gia bầu cử.

Điều 2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị:

1. Căn cứ tại Khoản 2, Điều 151 Luật doanh nghiệp, thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;



- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ tại Khoản 1, Điều 151 Luật doanh nghiệp, thành viên HĐQT phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp.

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty

Điều 3. Điều kiện để ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Tham chiếu Khoản 2, Điều 26 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông (các cổ đông nhóm cổ phiếu lại với nhau) nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (06 tháng) được ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9.

2. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không đề cử, ứng cử ứng viên là thành viên Hội đồng quản trị hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 sẽ đề cử ứng cử viên để ĐHĐCĐ bầu.

Điều 4. Nguyên tắc bầu cử:

- Bỏ phiếu kín.

- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử.

Điều 5. Phương thức bầu cử

1. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu; cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên hoặc không dồn hết tổng số phiếu bầu.

- Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân (x) với số thành viên được bầu);

2. Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

3. Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra và có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

4. Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.

- Gạch tên ứng cử viên.

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa.

- Viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Tổng số cổ phần bầu cho thành viên được bầu lớn hơn số cổ phần biểu quyết của cổ đông sở hữu.

- Phiếu bầu có số thành viên được bầu vượt quá số lượng thành viên phải bầu.

- Phiếu bầu không đóng dấu treo của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

5. Việc kiểm phiếu: Tiến hành ở một phòng riêng dưới sự giám sát của đại diện cổ đông.

6. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa Đại hội giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

Điều 6. Nguyên tắc trúng cử:

- Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên công ty được công bố ngay tại Đại hội;

- Người trúng cử vào Hội đồng quản trị phải đạt tối thiểu 65 % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hợp lệ tham dự tại Đại hội.

Điều 7. Quy chế bầu cử này gồm 7 điều, có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được thông qua tại Đại hội.

*Trên đây là dự thảo Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9; Kính trình Đại hội thông qua. Sau khi Đại hội thông qua thì việc bầu cử tại Đại hội được thực hiện theo quy chế này.
Trân trọng./.*

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

A. KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỎ ĐÔNG NĂM 2018.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỎ ĐÔNG NĂM 2018:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh : 584 tỷ đồng/905 tỷ đồng đạt 65% KH.
- Doanh thu : 501 tỷ đồng/831 tỷ đồng đạt 60% KH.
- Lợi nhuận : 25,36 tỷ đồng/50 tỷ đồng đạt 51% KH.
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến) : 5%

2. Tình hình thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị:

Theo báo cáo chi tiết đính kèm.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2018:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2018		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
A	Kế hoạch SXKD				
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	905.000	584.173	65
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	817.364	486.070	59
2	Giá trị SX công nghiệp	"	54.136	50.213	93
3	Giá trị kinh doanh khác	"	33.500	47.898	143
II	Kế hoạch tài chính				
1	Doanh thu	"	831.908	501.883	60
2	Nộp Ngân sách	"	38.721	28.247	73
3	Tiền về tài khoản	"	969.102	790.371	82
4	Lợi nhuận trước thuế	"	50.000	25.359	51
5	Lợi nhuận sau thuế	"	42.570	23.573	55
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	LN trước thuế/ Doanh thu	%	6,0	5,1	84
-	LN sau thuế/ VDL (Công ty mẹ)	%	12,4	6,9	55
-	LN sau thuế/ VCSH	%	6,6	3,8	57
-	LN sau thuế/Tổng tài sản	%	2,5	1,3	52

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2018		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
7	Nợ phải trả	10 ⁶ đ	1.055.238	1.196.764	113
8	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	644.058	628.283	98
9	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.340	342.340	100
10	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.699.296	1.825.047	107
11	Nợ phải trả/VCSH	10 ⁶ đ	1,64	1,9	116
12	Tỷ lệ cố tức (dự kiến)	%	10	5	50
III	LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG				
1	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	1.480	755	51
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁶ đ	156.565	90.909	58
3	Tổng thu nhập	10 ⁶ đ	158.065	90.909	58
4	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	8.900	10.034	114
B	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	438.524	296.853	68
1	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ	351.422	286.051	81
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	10 ⁶ đ	87.102	10.802	12

2. Kiểm điểm thực hiện các hợp đồng thi công xây lắp năm 2018:

- Công trình thủy điện Nam Ngiep 1: Hoàn thành 100% kế hoạch năm; hoàn thành thi công bê tông RCC đập chính tháng 4/2018, đang triển khai công tác di chuyển XMTB, vật tư vật liệu đến các công trình khác
- Công trình thủy điện Nam Thuen 1: Hoàn thành 86% KH giá trị sản lượng năm (63,5 tỷ/74 tỷ).

Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Công tác thi công thường xuyên bị gián đoạn do lũ tràn đê gây thương lưu làm ngập hồ móng, phát sinh công tác gia cố mái dưới cao trình 175; công tác khoan nổ và gia cố mái SD10 không đáp ứng được cường độ thi công; Poyry chưa xuất bản thiết kế phạm vi từ hạ lưu nhà máy đến Adit 1 nên không đạt khối lượng kế hoạch. Tổng khối lượng đào đất đá đạt: 527.411m³/KH 585.537m³ đạt 90% KHN.

- Thủy điện Tân Thượng: Hoàn thành 78% giá trị sản lượng năm (68,4 tỷ/87,54 tỷ).

Chi tiết thực hiện tiến độ công trình:

+ Cụm đầu mối: Hoàn thành thi công hồ móng phạm vi 03 khoang tràn từ cuối tháng 5/2018 (KH tháng 4/2018) phục vụ công tác đổ bê tông; Chưa hoàn thành thi công bê tông 3 khoang tràn bờ trái, chưa hoàn thành công tác lắp đặt dầm cầu tràn theo kế hoạch; KL bê tông 2.800m³.

+ Bể áp lực + CNN + Nhà máy: Hoàn thành thi công hồ móng nhà máy từ cuối tháng 4/2018, bắt đầu triển khai thi công bê tông bản đáy nhà máy từ cuối tháng 6/2018; Cửa nhận nước thi công từ đầu T10/2018; KL bê tông 6.900m³.

- + Kênh xả: Chưa hoàn thành công tác đào hố móng, chưa triển khai gia cố mái và đổ bê tông kênh xả.
- + Kênh dẫn: Chưa hoàn thành thi công bê tông kênh dẫn theo kế hoạch.
- Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**
- + Công tác đào đất đá: Thường xuyên bị gián đoạn do chưa chủ động nguồn thuốc nổ, dùng công tác khoan nổ từ đầu T8/2018
- + Công tác bê tông nhà máy, bê tông cụm đầu mối: Do công tác thi công hố móng không đạt kế hoạch, thiếu nhân công thi công bê tông; công tác sản xuất cốt liệu chưa kịp thời, thiết bị phục vụ thi công còn thiếu, thường xuyên bị hỏng.
- + Chưa triển khai thi công 3 ca liên tục; đơn vị thi công chưa thực sự nỗ lực để hoàn thành kế hoạch đề ra.
- + Công tác thanh toán của CĐT chậm ảnh hưởng đến nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- **Công trình thủy điện Sơn Giang:** Hoàn thành thi công toàn bộ các hạng mục công trình ngày 30/9/2018, chậm 02 tháng so với kế hoạch.
- Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**
- + Chưa chủ động trong công tác chuẩn bị và tổ chức thi công.
- + Phạm vi công việc theo hợp đồng có sự thay đổi, thiết kế BVTC thường xuyên được hiệu chỉnh.
- **Công trình thủy điện Pake:**
- Hoàn thành 142% giá trị sản lượng KH năm (144,4 tỷ/101,5 tỷ).
 - + Công tác bê tông: Đổ bê tông: 49.056m³/KH 50.889m³, đạt 96%;
 - + Thi công khoan phun chống thấm và gia cố 3.175md/KH 3.241md, đạt 98%;
 - + Thi công đào đất đá thanh thải kênh xả nhà máy và lòng sông: 22.390m³.
- **Bãi thải xỉ nhà máy nhiệt điện Long Phú:** Hoàn thành 8% giá trị sản lượng KH năm (5,3 tỷ/67,5 tỷ).
 - + Hoàn thành thi công công tác bóc phủ và hạ nền đập; Chưa triển khai thi công công tác xử lý nền và đắp đê bao.
- Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**
- + Công tác thương thảo, ký phụ lục bổ sung hợp đồng chậm so với kế hoạch (chậm 3 tháng).
- + Công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp vật liệu xử lý nền và gia cố mái đê bao chưa đạt kế hoạch (chậm 3 tháng).
- + Công trường triển khai thi công đại trà chậm so với KH (tháng 11/2018 triển khai thi công đại trà).
- **Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:** Triển khai thi công đóng cọc đại trà từ đầu tháng 5/2018, khối lượng thực hiện đóng cọc tròn D500 66,167md; cọc SW400 7.404md; cọc SW500 8md, chưa triển khai thi công nạo vét lòng sông.
- **Hồ chứa nước Bản Lãi:** Đã triển khai thi công xong bãi thí nghiệm RCC; đang tập kết XMTB, vật tư chuẩn bị thi công đắp đập RCC.

- Hoàn nguyên mô 1B - Thủy điện Lai Châu: Hoàn thành và bàn giao hạng mục cho CĐT từ cuối tháng 4/2018.
- Gia cố mái hạ lưu bờ trái thủy điện Lai Châu: Hoàn thành và bàn giao hạng mục cho CĐT tháng 10/2018.

3. Công tác đầu tư:

- Thực hiện công tác đầu tư và quản lý đầu tư dự án thủy điện Pa Ke:

Công tác thủ tục pháp lý của dự án:

- + UBND tỉnh Lào Cai đã ký quyết định cấp GCNQSD đất (đợt 1) cho dự án.
- + UBND tỉnh đã ra quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.
- + UBND huyện Bắc Hà thành lập hội đồng GPMB huyện Bắc Hà.
- + UBND tỉnh Hà Giang bổ xung KH sử dụng đất cho dự án.
- + Sở TNMT kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc: lưới địa chính, lập bản đồ địa chính phục vụ thu hồi đất, GPMB
- + Sở NN&PTNT Hà Giang phê duyệt phương án điều tra đặc điểm, trạng thái, trữ lượng rừng để thu hồi chuyên mục đích sử dụng rừng.
- + Đơn vị tư vấn đang hoàn thiện hồ sơ phương án điều tra đặc điểm, trạng thái, trữ lượng rừng để thu hồi, bồi thường rừng; Chuyển mục đích sử dụng rừng, hồ sơ trồng rừng thay thế trình Sở NN&PTNT tỉnh Lào Cai thẩm định phê duyệt.

Công tác GPMB:

- + Hội đồng GPMB và Phòng TNMT huyện đang hoàn thiện hồ sơ phương án đền bù GPMB trình UBND huyện phê duyệt phương án đền bù GPMB và ra quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho dự án.

Công tác thiết bị:

- *Thiết bị cơ khí thủy công:*

+ Cửa nhận nước: Hoàn thành thi công lắp đặt đường ống áp lực; khe van sửa chữa + vận hành và khe lưới chắn rác. Hoàn thành hạ cửa van vận hành giai đoạn chống lũ năm 2018. Hoàn thành lắp đặt chi tiết đặt sẵn ray cần trục chân dê, xy lanh thủy lực. Hoàn thành lắp đặt kho van;

+ Đập tràn: Hoàn thành lắp đặt khe van công xả cát, cửa xả rác. Lắp đặt khe van sửa chữa + vận hành khoang tràn 1, trái khoang tràn 2 đến cao độ 268,5 và khe van khoang tràn 3, phải khoang tràn 2 đến cao độ 262,0m. Hoàn thành hạ cửa van sửa chữa khoang tràn 1 giai đoạn chống lũ năm 2018. Hoàn thành lắp đặt kho van phân đoạn 1;

+ Nhà máy: Hoàn thành lắp đặt khe van hạ lưu và thả cửa van nhà máy. Hoàn thành lắp đặt chi tiết đặt sẵn ray cần trục chân dê.

- *Thiết bị cơ điện nhà máy:*

+ Hoàn thành lắp đặt ống hút, buồng xoắn TM1+2. Hoàn thành lắp đặt ống công nghệ nhà máy. Hoàn thành thử tải, kiểm định cầu trục gian máy. Đang tiến hành tổ hợp thiết bị tuabin TM1.

- *Đường dây, đầu nối:*

+ Hoàn thành thỏa thuận đầu nối đường dây 110kV về trạm 110kV Sông Cháy.

- + Hoàn thành thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV.
- + Đã hoàn thiện TKCS và đang trình tỉnh Hà Giang thẩm định.
- + Đã làm việc với Phòng TNMT và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang về công tác rà phá bom mìn và chuẩn bị cho công tác đo đạc, kiểm đếm bồi thường GPMB.
- + Hoàn thành lập hồ sơ mời thầu nhà thầu thi công đường dây 110kV; đang tiến hành chấm thầu.
- **Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018:**
 - + Công tác đầu tư 02 máy khoan cần thủy lực tự hành: Đã thương thảo, ký kết hợp đồng và hoàn thành thủ tục giao nhận máy.
 - + Công tác đầu tư 10 xe ô tô tải ben tự đổ: Đối tác chưa giao hàng do chưa xong thủ tục đăng kiểm.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MẶT QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH NĂM 2018

- * *Những mặt đã làm được:*
 - Tổ chức triển khai công tác đầu tư và quản lý dự án đầu tư dự án thủy điện Pake theo đúng quy định của pháp luật.
 - Sửa đổi, bổ sung chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và phòng, ban trực thuộc Công ty đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và hoàn thành chức năng nhiệm vụ theo chuyên môn. Đã tổ chức lại và giải thể các Đội sản xuất của các chi nhánh để phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị; sắp xếp lại công tác tổ chức bộ máy của Chi nhánh Sông Đà 901, Sông Đà 908, Sông Đà 9.10.
 - Hoàn thành xong thủ tục bổ nhiệm lần đầu 05 cán bộ, bổ nhiệm lại 03 cán bộ, miễn nhiệm chức vụ 13 cán bộ, điều động luân chuyển 20 cán bộ; Tuyển dụng 164 người (15KS, CN; 01CĐ; 54 Lái xe, 07 Thợ vận hành MXD; 25 Thợ cơ khí; 62 LĐPT); Nghỉ việc 201 người (trong đó thôi việc 154 người, bỏ việc 28 người, sa thải 13 , nghỉ chế độ hưu 06 người).
 - Thành lập các Ban chỉ huy công trình và đội ngũ quản lý hợp đồng của từng dự án, đảm bảo tính tuân thủ quy chế của Công ty và đồng bộ trong tổ chức các công trình.
 - Tổ chức hội nghị công nhân lao động và ký xong hợp đồng thuê Giám đốc các đơn vị.
 - Kiểm soát khối lượng thực hiện, thu vốn, tiến độ các công trình.
 - Cân đối điều động và di chuyển xe máy, thiết bị đáp ứng yêu cầu thi công các công trình.
 - Xây dựng xong kế hoạch giá thành, kế hoạch chi phí năm 2018; Xây dựng xong kế hoạch thoái vốn tại các đơn vị.
 - Hoàn thành công tác quyết toán tại công trình thủy điện Huội Quang, Nậm Chiến, Lai Châu, Tuyên Quang.
 - Sửa đổi quy chế tiền lương áp dụng để trả lương đối với CBCNV cơ quan Công ty, các chi nhánh, BQL dự án thủy điện Pake và NMTĐ Nậm Khánh .

- Cân đối, thu xếp đủ vốn, đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch.
- Nhận diện, đánh giá các rủi ro các công trình đang thi công cũng như trong giai đoạn thương thảo hợp đồng các công trình trúng thầu.
- Đã thoái vốn xong khoản đầu tư tài chính tại Công ty CP ĐT&PT khu kinh tế Hải Hà, các khoản đầu tư khác đang tìm đối tác.

* **Những tồn tại.**

- Chưa có chiến lược đúng, hiệu quả về công tác thị trường và đấu thầu.
- Công tác quản lý cơ giới vật tư từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc còn yếu.
- Tốc độ quyết toán tại công trình Đồng Nai 5, Xekaman1, XKM 3 chậm so với yêu cầu.
- Công tác thu vốn ở nhiều công trình chưa hoàn thành theo kế hoạch: Pake, Tân Thượng, Đắc Mi 2.
- Tiến độ thi công một số công trình còn chậm.
- Công nợ lớn, chưa có giải pháp cho việc thu hồi công nợ khó đòi;
- Việc khắc phục các tồn tại của công tác báo cáo, tài chính còn chậm.
- Công tác thoái vốn các khoản đầu tư tài chính còn chậm, không đạt kết quả theo kế hoạch;

IV. GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG DỜ DANG 31/12/2018.

- Tổng giá trị sản lượng dở dang đến 31/12/2018 toàn Công ty là 284,16 tỷ. Trong đó: Giá trị A giữ: 7,64 tỷ; chênh lệch giá 50,08 tỷ; chưa nghiệm thu: 226,43 tỷ).

B. NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

I. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch SXKD Năm 2019
A	Kế hoạch SXKD		
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶đ	800.000
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	“	695.000
2	Giá trị SX công nghiệp	“	95.000
3	Giá trị kinh doanh khác	“	10.000
II	Kế hoạch tài chính		
1	Doanh thu	“	750.000
2	Nộp Ngân sách	“	34.000
3	Tiền về tài khoản	“	832.162
4	Lợi nhuận trước thuế	“	40.000
5	Lợi nhuận sau thuế	“	35.000
6	Tỷ suất lợi nhuận		
-	<i>LN trước thuế/ Doanh thu</i>	%	4,3
	<i>LN sau thuế/ VDL (Công ty mẹ)</i>	%	10,2
-	<i>LN sau thuế/ VCSH</i>	%	5,4
-	<i>LN sau thuế/Tổng tài sản</i>	%	1,7
7	Nợ phải trả	10 ⁶ đ	1.453.112
8	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	643.908
9	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.340
10	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	2.097.021
11	Nợ phải trả/VCSH	10 ⁶ đ	2,26
12	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%	10
III	LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG		
1	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	1.419
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁶ đ	175.617
3	Tổng thu nhập	10 ⁶ đ	175.617
4	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	10.313
B	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	357.417
1	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ	278.906
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	10 ⁶ đ	78.511

2. Mục tiêu, tiến độ các công trình năm 2019:

Thủy điện PaKe:

Công tác thủ tục pháp lý của dự án:

- Hoàn thành toàn bộ các thủ tục pháp lý cho dự án;

Công tác GPMB:

- Hoàn thành thủ tục thuê đất, cấp GCNQSD đất cho dự án.

Công tác thi công:

- Đổ bê tông: 7.406 m³ (trong đó: Đập dâng bờ trái: Hoàn thành thi công toàn bộ bê tông hạ lưu vai trái tháng 03/2019. Cửa nhận nước: Hoàn thành thi công bê tông ống áp lực đến cao độ TK 257,50m trong tháng 1/2019. Đập tràn: Hoàn thành thi công bê tông đập tràn, cầu tràn tháng 01/2019; bê tông nhà tời tháng 3/2019. Nút cống dẫn dòng tháng 4/2019. Đập dâng bờ phải: Hoàn thành thi công vai phải đến cao độ TK 268,0m trong tháng 02/2019; Nhà máy: Hoàn thành phần thi công xây dựng nhà máy, hoàn thiện vệ sinh buồng phòng tháng 01/2019; hoàn thiện sân đường cảnh quan tháng 3/2019).
- Trạm OPY: Hoàn thành lắp đặt hiệu chỉnh thiết bị tháng 5/2019.
- Hoàn thành đào đất đá và gia cố hố xói + kênh xả tháng 4/2019.

Công tác thiết bị:

Thiết bị cơ khí thủy công:

- Cửa nhận nước: Hoàn thành lắp đặt cầu trục chân dê và xy lanh thủy lực trong tháng 3/2019. Hoàn thành lắp đặt, thử khô cửa van trong tháng 3/2019.
- Đập tràn: Hoàn thành lắp đặt thử khô cửa van vận hành, sửa chữa tháng 4/2019.
- Nhà máy: Hoàn thành lắp đặt cầu trục chân dê tháng 3/2019.

Thiết bị cơ điện:

- Hoàn thành lắp đặt và phát điện thương mại TM1 Quý II/2019 và TM2 Quý III/2019.

Công tác đường dây, đấu nối:

- Hoàn thành xây dựng, lắp đặt và đóng điện Quý II/2019;

Thủy điện Tân Thượng:

- Hoàn thành thi công, bàn giao công trình trước tháng 9/2019. Khối lượng đào đắp đất đá: 27.500m³; bê tông 27.130 m³.
 - + Đập dâng vai trái: Hoàn thành thi công bê tông đập dâng vai trái xong trước 30/4/2019; Khối lượng 2.800m³; Hoàn thành thi công đắp đất, hoàn thiện đập dâng vai trái trước 30/5/2019.
 - + Đập tràn: Hoàn thiện đổ bê tông trụ biên đến cao trình thiết kế, KL bê tông 113m³ xong trước 31/1/2019; Đổ bê tông dầm cầu 12CK; Khối lượng bê tông 82m³ xong trước 10/3/2019; Lắp dầm 3 khoang tràn bờ phải trước ngày 31/1/2019; 3 khoang tràn bờ trái trước ngày 31/3/2019.
 - + Nhà máy: Hoàn thiện công tác thi công bê tông nhà máy ngày 30/9/2019.
 - + Cửa nhận nước + bể áp lực: Hoàn thiện đổ bê tông bể áp lực ngày 31/5/2019.

+ Kênh dẫn nước: Hoàn thiện công tác đào kênh dẫn nước trước 31/3/2019; Hoàn thành đổ bê tông bản đáy, mái kênh dẫn xong trước 30/4/2019.

+ Kênh xả nhà máy: Hoàn thiện công tác đào hố móng kênh xả trước 31/3/2019; Hoàn thành đổ bê tông bản đáy, gia cố mái kênh xả trước 31/5/2019.

Thủy điện Nam Theun 1:

- Đổ bê tông RCC đập chính. Khối lượng 1.618.000m³.

+ Hoàn thành thi công bê tông CVC san phẳng trong T2/2019.

+ Hoàn thành thi công bê tông RCC Zone 2.1 đạt cao trình 162m trong T5/2019 - Bàn giao cao trình đáy cống xả sâu

+ Thi công bê tông RCC Zone 2.3 đến ngày 31/12/2019 đạt cao trình 150,0m.

+ Đào hố móng kênh xả: Hoàn thành thi công trong T5/2019.

Nhiệt điện Long Phú:

- Khối lượng thi công chính: Đắp đê bao: 333.000m³, đắp cát lòng hồ: 116.000m³, trải HDPE, GCL: 202.000m², vải địa kỹ thuật: 320.000m².

+ Tuyến đê bao: Hoàn thành thi công đắp tuyến đê bao (2 giai đoạn) trước 30/6/2019, khối lượng đắp 333.000m³, hoàn thành công tác gia cố mái đê bao trước 31/12/2019, khối lượng HDPE, GCL: 85.500m², vải địa kỹ thuật: 320.000m².

+ Lòng hồ bãi xi: Hoàn thành thi công đào hạ nền lòng bãi phạm vi các bãi trữ trước 30/4/2019; hoàn thành trải HDPE, GCL, đắp cát đen bảo vệ trước 03/5/2019, khối lượng đào đất: 63.245m³, trải HDPE, GCL: 117.000m², đắp cát: 116.000m³.

Công trình Tân Mỹ:

- Khối lượng thi công chính: Đào đất: 136.600m³; Đào đá, khai thác đá: 138.200m³; Bê tông CVC: 24.120m³; Bê tông RCC: 108.000m³; Khoan phun các loại: 14.800m^d.

+ Hoàn thành công tác xây dựng phụ trợ, lán trại xong trước 28/2/2019.

+ Hoàn thành công tác bóc phủ mỏ đá xong trước 31/3/2019; Khai thác mỏ đá phục vụ cấp liệu cho trạm nghiền từ tháng 4 năm 2019.

+ Đập phụ số 3: Hoàn thành công tác đào hố móng 31/1/2019; Đổ bê tông CVC bản đáy đập phụ từ tháng 4/2019; Đổ bê tông RCC đập phụ số 3 từ tháng 4/2019; hoàn thành toàn bộ công tác thi công RCC trước 30/11/2019.

+ Đập phụ số 4: Hoàn thành công tác đào hố móng 31/7/2019; Đổ bê tông CVC bản đáy đập phụ từ tháng 8/2019; Đổ bê tông RCC đập phụ số 4 từ tháng 12/2019.

Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:

- Khối lượng thi công chính: Nạo vét kênh: Thực hiện đến 31/12/2019 đạt khối lượng: 209.000 m³; Đắp đất đá: Thực hiện đến 31/12/2019 đạt khối lượng: 119.400 m³; Gia cố kênh bằng cọc bê tông cốt thép, thực hiện đến 31/12/2019 đạt khối lượng: cọc ván BTCT 37.000m, cọc ống BTCT 57.900m.

Hồ chứa nước Bản Lãi:

- Đổ bê tông RCC: 118.072m³; Bê tông CVC: 3.000m³.

+ Thi công khối P1 cao trình 260,0m -:- 274,0m từ ngày 15/02/2019 đến ngày 18/3/2019.

+ Thi công khối P2 cao trình 274,0m -:- 285,0m (đạt cao trình chống lũ) từ ngày 17/4/2019 đến ngày 12/5/2019.

+ Thi công khối P1 cao trình 285,0m -:- 314,7m từ ngày 13/5/2019 đến ngày 07/7/2019.

Thủy điện Xenamnoy:

- Đổ bê tông RCC: 164.600m³; Bê tông CVC: 3.653m³.

+ Công xả sâu: Hoàn thành thi công trong tháng 5/2019. Khối lượng 3.400 m³.

+ Đập dâng RCC: Hoàn thành thi công trong tháng 6 năm 2019. Khối lượng 164.600 m³.

+ Hoàn thành bàn giao công trình trong tháng 7 năm 2019.

Thủy điện Đăcpsi:

- Dự kiến triển khai trong tháng 01/2019 đến hết quý II/2019, khối lượng đào đất đá: 293.000m³.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ NĂM 2019.

1. Giải pháp sắp xếp, đổi mới và tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Xây dựng và kiện toàn bộ máy lãnh đạo công ty và các Chi nhánh;
- Sắp xếp lại tổ chức các phòng ban, ban hành chức năng, nhiệm vụ, định biên, tinh giảm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, quy chế khoán lương từ công ty đến các Chi nhánh nhằm đảm bảo nâng cao năng suất lao động, thu nhập và giảm thiểu chi phí quản lý.
- Xây dựng và phát triển thêm một số ngành nghề tương tự như ngành nghề truyền thống, như thi công xây dựng các công trình chống ngập, biến đổi khí hậu, đê điều, cảng biển.
- Lập kế hoạch phát triển thương hiệu để Sông Đà 9 trở thành một đơn vị có thương hiệu lớn trên thị trường trong nước và Quốc tế trong công tác thi công bê tông RCC, thi công đập thủy điện, thủy lợi lớn.
- Tập trung thoái vốn các khoản đầu tư tài chính của Công ty theo kế hoạch.

2. Công tác tiếp thị đầu thầu, thị trường:

- Phân cấp cho các đơn vị về giá trị và phạm vi gói thầu để các đơn vị chủ động tiếp thị tìm kiếm việc làm;
- Xây dựng, quảng bá thương hiệu Sông Đà 9 để nâng cao vị thế và uy tín của đơn vị.
- Thực hiện kế hoạch phát triển thị trường, cụ thể như sau:
 - + Tiếp thị các dự án nhiệt điện lớn có yếu tố nước ngoài;
 - + Đầu thầu và làm tổng thầu các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong nước;
 - + Mở rộng ngành nghề như xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng công trình;
 - + Thi công các công trình đường giao thông với tính chất nhà thầu chính hoặc nhà

thầu phù hợp với năng lực của đơn vị hoặc liên danh;

+ Chú trọng tìm kiếm, tham gia đấu thầu các dự án về môi trường, biến đổi khí hậu có nguồn vốn nước ngoài như WB, JK, ODA...

+ Đấu thầu các dự án thủy lợi của Bộ NNPT Nông thôn hoặc các tỉnh.

+ Tiếp tục tìm kiếm các công trình thủy điện vừa và nhỏ để đầu tư xây dựng.

3. Công tác cơ giới - vật tư

- Xây dựng kế hoạch dự trữ vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa lớn.
- Chấn chỉnh kiểm tra, giám sát công tác bảo quản bảo dưỡng xe, máy. Thực hiện vận hành và bảo dưỡng kỹ thuật đúng quy trình quy phạm.
- Tiếp nhận các lô hàng thiết bị cơ điện và thiết bị cơ khí thủy công thủy điện Pake.
- Lập phương án di chuyển xe máy thiết bị hư hỏng, không cố nhu cầu sử dụng từ các công trường như Nam Ngiep 1, Pake, Sơn La sau khi kết thúc thi công.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết toán nhiên liệu, việc sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị theo định kỳ tháng, quý, năm đồng thời đưa ứng dụng phần mềm để quản lý cơ giới vật tư;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế quản lý xe máy tại các đơn vị trực thuộc.

4. Công tác kỹ thuật công nghệ, an toàn.

- Kiểm soát, đôn đốc các đơn vị thực hiện các mục tiêu tiến độ thi công, thu vốn các công trình.
- Hoàn thành tổ chức bộ máy nhân lực kỹ thuật tại các chi nhánh trực thuộc;
- Chủ trì giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác nghiệm thu, quyết toán công trình Xekaman 1, Đồng Nai 5, Đắc My 2....
- Chủ trì lập biện pháp, tiến độ thi công các gói thầu được phân giao.
- Hoàn thành trình phê duyệt quy chế xử lý các vi phạm về công tác ATLĐ trên công trường, tiếp tục hoàn thiện sổ tay ATLĐ - VSMT.
- Hoàn thiện các điểm chưa phù hợp theo báo cáo đánh giá của BSI Việt Nam về hệ thống quản lý ATSKNN - MT theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và OHSAS 18001:2007.
- Quản lý tốt công tác an toàn trên các công trường Công ty tham gia thi công;
- Triển khai chuyển đổi phiên bản hệ thống QLCL theo ISO 9001:2015

5. Công tác kinh tế- chiến lược.

- Xây dựng quy trình kiểm soát chi phí các gói thầu giao khoán; ban hành mẫu biểu để các đơn vị thực hiện.
- Hoàn chỉnh giá thành các công trình đã có và xây dựng mới giá thành các công trình phát sinh để kiểm soát chi phí.
- Hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý để quản lý đầu tư xây dựng cơ bản dự án thủy điện Pake đảm bảo đúng luật, đúng quy định.
- Tập trung tăng cường công tác quản lý đối với các đơn vị nội bộ.
- Giải quyết dứt điểm các vướng mắc kinh tế tại công trình thi công; tập trung cho

công tác quyết toán các công trình đã thi công xong.

6. Công tác tài chính, tín dụng.

- Tập trung thu hồi vốn và công nợ, giải quyết dứt điểm các công trình đồng thời đơn đốc thu hồi tạm ứng cá nhân đã đến hạn và quá hạn để tập trung nguồn vốn trả nợ Ngân hàng, khách hàng và thực hiện chế độ cho người lao động.
- Cân đối, thu xếp đủ vốn và kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch và biện pháp chi tiết để tập trung thu hồi vốn, thu hồi công nợ, nhất là công nợ khó đòi, dây dưa kéo dài đã nhiều năm.
- Cân đối trả nợ kịp thời các khoản nợ của các tổ chức tín dụng.
- Thực hiện công tác thoái vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác (Công ty CP XD hạ tầng Sông Đà; Công ty CP Sông Đà 1; Công ty CP ĐT&PT Vân Phong; Công ty CP Sông Đà Hà Nội).

7. Công tác đầu tư.

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng dự án thủy điện PaKe đúng tiến độ kế hoạch.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính.
- Triển khai thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Nậm Khánh B (10 tỷ): Chi phí lập dự án; chi phí khảo sát thiết kế giai đoạn lập dự án

8. Công tác Pháp chế và quản trị rủi ro.

- Báo cáo công tác quản trị rủi ro dự án và các hợp đồng theo đúng quy định.
- Rà soát hoàn thiện và xây dựng các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị; xây dựng, thẩm định, quản lý và cập nhật hệ thống văn bản quy chế của đơn vị.
- Tăng cường công tác thẩm định rủi ro trong mọi lĩnh vực SXKD của đơn vị;
- Xây dựng bản tin pháp luật hàng tháng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và kịp thời thông báo để đơn vị và Phòng/ban công ty cập nhật kịp thời.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2019.

- Hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu theo kế hoạch năm 2019 như trên và tổ chức thi công các công trình đảm bảo đúng tiến độ và đạt chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Thực hiện đầu tư dự án thủy điện Pa Ke đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ, chất lượng, tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư hiện hành của pháp luật Nhà nước, Tổng công ty và Công ty;
- Hoàn chỉnh các thủ tục để đầu tư dự án thủy điện Nậm Khánh B.
- Tăng cường công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm đảm bảo đủ việc làm cho năm 2019 và các năm tiếp theo.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch thoái vốn của Công ty tại các doanh nghiệp không

thuộc lĩnh vực kinh doanh chính hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả thấp.

- Tăng cường công tác hạch toán kinh doanh; kiểm tra phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh các đơn vị trực thuộc 6 tháng/lần.
- Sắp xếp tinh gọn bộ máy toàn Công ty đảm bảo hoạt động hiệu quả; xây dựng mô hình quy chế khoán quản đối với các công trình vừa và nhỏ.
- Cân đối, thu xếp đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019 và các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019 của Công ty CP Sông Đà 9, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Trần Thế Quang

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

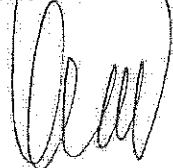
BÁO CÁO

THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2018, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2018			KẾ HOẠCH SXKD
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% HT	NĂM 2019
I	Tổng giá trị SXKD	10. ³ đ	905.000.000	584.182.605	65	800.000.000
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10. ³ đ	817.364.000	486.070.284	59	695.000.000
2	Giá trị kinh doanh công nghiệp	10. ³ đ	54.136.000	50.213.848	93	95.000.000
3	Giá trị kinh doanh dịch vụ khác	10. ³ đ	33.500.000	47.898.472	143	10.000.000
II	Kế hoạch tài chính					
1	Doanh số	10. ³ đ	900.000.000	535.272.543	59	790.000.000
2	Tổng doanh thu	10. ³ đ	831.908.057	501.883.414	60	750.000.000
3	Tiền về tài khoản	10. ³ đ	969.102.000	790.371.655	82	832.162.797
4	Nộp Ngân sách	10. ³ đ	38.721.111	28.247.230	73	34.000.605
5	Lợi nhuận					
	- Lợi nhuận trước thuế	10. ³ đ	50.000.000	25.359.108	51	40.000.000
	- Lợi nhuận sau thuế	10. ³ đ	42.570.400	23.573.875	55	35.000.000
6	Tỷ suất lợi nhuận					
	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/Doanh thu)	%	6,0	5,1	84	5,3
	ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq)	%	6,60	3,8	57	5,4
	ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq)	%	2,50	1,3	52	1,7
7	Vốn chủ sở hữu	10. ³ đ	644.058.525	628.283.310	98	643.908.832
8	Vốn điều lệ	10. ³ đ	342.340.000	342.340.000	100	342.340.000
9	Tổng tài sản	10. ³ đ	1.699.296.989	1.825.047.873	107	2.097.021.695
10	Nợ phải trả	10. ³ đ	1.055.238.464	1.196.764.569	113	1.453.112.864
10	Hệ số nợ phải trả/(VCSH)	lần	1,64	1,90	116	2,26
11	Hệ số nợ phải trả/(VDL)	lần	3,08	3,50	114	4,24
12	Tỷ lệ cổ tức	%	10,00	5	50	10
III	Lao động và tiền lương					
1	Tổng số CBCNV bình quân sử dụng	Người	1.480	755	51	1.419
2	Thu nhập bình quân CBCNV/tháng	10. ³ đ	8.900	10.034	113	10.313
III	Chỉ tiêu khối lượng chủ yếu					
1	Khối lượng xây lắp					
	- Đào đất, đá	m ³	2.027.743	1.754.903	87	922.568
	- Bê tông RCC	m ³	217.961	192.458	88	2.030.495
	- Bê tông thường	m ³	98.427	69.596	71	78.442
	- Cốt thép	tấn	3.142	1.993	63	1.343
2	Khối lượng SX công nghiệp					
	- SX điện	10. ³ kw	37.500	33.673	90	68.789
B	Kế hoạch đầu tư	10. ³ đ	438.524.239	296.853.612	68	357.417.046

PHÒNG KINH TẾ - CHIẾN LƯỢC



Phạm Ngọc Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thế Cường

BÁO CÁO
GIÁ TRỊ THU VỐN NĂM 2018, KẾ HOẠCH NĂM 2019

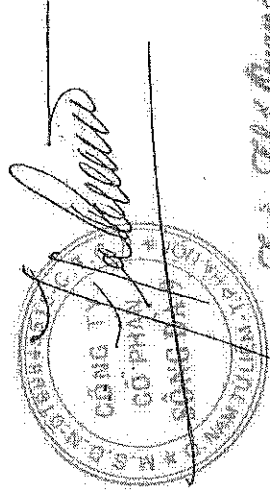
TT	Công trình	ĐVT	Đã đang 31/12/2017	Lũy kế SLTH năm 2018	Lũy kế thu vốn năm 2018		Đã đang 31/12/2018	Năm 2019		Ghi chú
					Kế hoạch	Thực hiện		Sản lượng	Thu vốn	
	Giá trị SXKD	10 ³ đ	235.253.077	584.182.605	900.482.847	535.272.543	284.163.136	800.000.000	790.000.000	
1	Thủy điện Tuyên Quang	10 ³ đ	821.092	(180.235)	821.092	640.857	-	-	-	
2	Thủy điện Nậm Chiến	10 ³ đ	-	(1.211.375)	-	(1.211.375)	-	-	-	
3	Thủy điện Xekaman3	10 ³ đ	6.198.238		-	891.801	5.306.437	5.306.437	5.306.437	
4	Thủy điện Huội Quảng	10 ³ đ	15.713.734	17.920.960	15.713.665	33.634.693	-	-	-	
5	Thủy điện Lai Châu	10 ³ đ	4.721.169	15.446.586	4.721.170	20.167.755	-	-	-	
6	Thủy điện Nậm Ngiep 1	10 ³ đ	2.243.351	73.054.896	74.885.400	75.298.245	-	-	-	
7	Thủy điện Xekaman1	10 ³ đ	107.120.378	1.599.510	49.746.932	6.193.620	102.526.268	30.757.880	30.757.880	
8	Thủy điện Bán Chất	10 ³ đ	194.694	555.142	194.694	749.836	-	-	-	
9	Thủy điện Nậm Thuen 1	10 ³ đ	36.849.220	63.493.606	62.849.219	63.841.873	36.500.952	192.888.708	167.154.048	
10	Thủy điện Đồng Nai 5	10 ³ đ	4.902.829		4.902.829		4.902.829			
11	Thủy điện Đăk Mi II	10 ³ đ	15.974.312	4.185.917	15.974.314	11.960.230	8.199.999		5.674.261	
12	Dự án Nhiệt điện Mông Dương	10 ³ đ	799.197	(642.233)	2.182.740	-	156.964		156.964	
13	Đường nội bộ Nam An Khánh	10 ³ đ	649.603		649.603	649.601	-		-	
14	Nhà Quốc Hội	10 ³ đ	1.465.745		1.465.745		1.465.745		1.465.745	
15	Công trình sông Ninh Cơ	10 ³ đ	-	(98.830)		(98.830)	-		-	
16	CT Nhật Tân	10 ³ đ	-	(203.201)		(203.201)	-		-	
17	Công trình Suối Chấn 2	10 ³ đ	-	626.762		626.762	-		-	
18	Thủy điện Tân Thượng	10 ³ đ	3.602.432	68.403.587	110.970.038	38.403.009	33.603.009	64.842.283	85.476.836	
19	Công trình thủy điện Pake	10 ³ đ	17.720.289	144.384.709	106.648.312	92.245.301	69.859.697	29.367.234	99.226.931	
20	Thủy điện Nam Thi + Nậm Gié	10 ³ đ	-		482.847		-			

TT	Công trình	ĐVT	Đã đang 31/12/2017	Lũy kế SLTH năm 2018	Lũy kế thu vốn năm 2018		Đã đang 31/12/2018	Năm 2019		Ghi chú
					Kế hoạch	Thực hiện		Sản lượng	Thu vốn	
21	Thủy điện Sơn Giang	10 ³ đ	13.266.335	26.125.390	62.756.671	27.218.388	12.173.337		12.173.340	
22	Nhiệt điện Long Phú	10 ³ đ	-	5.282.461	54.054.545	595.282	4.687.179	53.287.496	47.317.176	
23	Thủy điện Đăcpsi	10 ³ đ	-				-	13.744.185		
24	Gói thầu F2 - Cải tạo kênh	10 ³ đ	-	40.209.912	110.821.876	38.544.824	1.665.088	179.684.114	82.522.939	
25	Cải tạo và phục hồi môi trường mô đun 1B	10 ³ đ	-	2.972.015	5.000.000	2.972.015	-			
26	Gia cố mái hạ lưu bờ trái TĐ Lai Châu	10 ³ đ	-	17.710.393	-	16.574.076	1.136.227		1.136.227	
27	Hồ chứa nước Bản Lài	10 ³ đ	-	333.000			333.000	30.842.476	26.549.105	
28	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	10 ³ đ	-				-	79.387.734	67.479.574	
29	Thủy điện Xe-pi-an-xe-na-ny	10 ³ đ	-				-	50.955.900	50.955.900	
30	CT đường Phú Yên (Sincơ)	10 ³ đ	-	6.233.239		6.233.239	-			
31	Thủy điện Trung Sơn	10 ³ đ	-	(131.835)		(131.835)	-			
32	Công trình dự kiến khác	10 ³ đ	-		128.829.289		-			
33	Phục vụ xây lắp, KDVT, HĐTC, HĐ #	10 ³ đ	3.010.460	47.898.472	36.176.736	49.262.527	1.646.405	10.000.000	11.646.405	
34	Sản xuất công nghiệp									
-	Năm Khánh	10 ³ đ	-	50.213.848	50.635.132	50.213.848	-	55.000.000	55.000.000	
-	Pake	10 ³ đ	-				-	40.000.000	40.000.000	

TP KINH TẾ - CHIẾN LƯỢC

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Tuấn

Trần Thế Cường

BÁO CÁO
THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2018, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2019

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐVT	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018				THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2018				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2019			
			TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ		TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ		TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ		TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ	
				XÂY LẬP	THIỆT BỊ		CP KHÁC +LÃI VAY	XÂY LẬP		THIỆT BỊ	CP KHÁC +LÃI VAY		XÂY LẬP	THIỆT BỊ
A	CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9	10 ³ Đ	438.524.239	101.523.502	277.621.359	59.379.378	296.853.612	144.384.709	124.721.845	27.747.058	357.417.046	111.367.234	137.756.718	108.293.095
I	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ³ đ	351.421.646	101.523.502	190.518.766	59.379.378	286.051.019	144.384.709	113.919.252	27.747.058	278.905.850	111.367.234	59.245.522	108.293.095
1	Thủy điện PaKe	"	346.421.646	101.523.502	190.518.766	54.379.378	286.051.019	144.384.709	113.919.252	27.747.058	268.905.850	101.367.234	59.245.522	98.293.095
2	Thủy điện Nậm Khánh B	"	5.000.000			5.000.000					20.000.000	10.000.000		10.000.000
II	Đầu tư nâng cao năng lực T.bị	"												
II	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị	"	87.102.593		87.102.593		10.802.593		10.802.593		78.511.196		78.511.196	
1	Đầu tư bổ sung xe máy thiết bị năm 2017	"	37.102.593		37.102.593		10.802.593		10.802.593		26.300.000		26.300.000	
-	10 Ô tô tải ben tự đổ (11,5-15T)	"	26.300.000		26.300.000						26.300.000		26.300.000	
-	02 Máy khoan cần thủy lực tự hành	"	10.802.593		10.802.593		10.802.593		10.802.593					
2	Đầu tư nâng cao năng lực T.bị 2019	"									52.211.196		52.211.196	
-	01 Máy ủi >100CV có gắn lưỡi PAT	"									4.930.302		4.930.302	
-	03 Xe tải khung gầm 36-40T	"									41.530.919		41.530.919	
-	02 Cần trục ô tô sức nâng ≤25T	"									5.749.975		5.749.975	
III	Đầu tư tài chính	"												

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



TR. KINH TẾ - CHIẾN LƯỢC

Đào Ngọc Tuấn

Trần Thế Cường

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2018

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2019

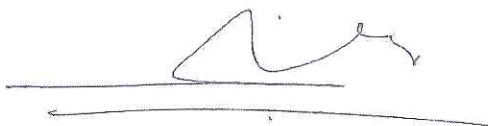
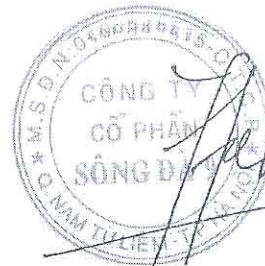
TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9			
			KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN 2018	TỶ LỆ HT NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	103đ	905.000.000	584.182.605	65%	800.000.000
II	DOANH SỐ BÁN HÀNG	103đ	900.000.000	535.272.543	59%	790.000.000
1	Doanh thu	103đ	831.908.057	501.883.414	60%	750.000.000
a	HD SX kinh doanh	103đ	819.056.057	462.967.037	57%	733.935.000
	Trong đó: Doanh thu Pa ke	103đ	265.003.098	83.420.413	31%	65.823.215
b	Hoạt động tài chính, khác	103đ	12.852.000	38.916.377	303%	16.065.000
2	Thuế GTGT đầu ra	103đ	68.091.943	33.389.129	49%	40.000.000
III	THU TIỀN VỀ TÀI KHOẢN	103đ	969.102.000	790.371.655	82%	832.162.797
1	Mức lợi nhuận trước thuế	103đ	50.000.000	25.359.108	51%	40.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	103đ	42.570.400	23.573.875	55%	35.000.000
3	Tỷ lệ lợi nhuận					
	- Lợi nhuận/doanh thu (LN cận biên)	%	6,0%	5,1%	84%	5,3%
	- Lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	12,4%	6,9%	55%	10,2%
	- Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	6,6%	3,8%	57%	5,4%
	- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	2,5%	1,3%	52%	1,7%
VI	CÁC KHOẢN NỢ NS	103 đ	38.721.111	28.247.230	73%	34.000.605
1	Các khoản nợ nhà nước	103đ	30.570.841	18.643.444	61%	24.300.781
	- Thuế GTGT phải nộp	103đ	17.022.986	9.441.617	55%	10.100.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	103đ	7.429.600	1.785.233	24%	5.000.000
	- Thuế khác	103đ	6.118.255	7.416.595	121%	9.200.781
2	Các khoản nợ khác	103đ	8.150.270	9.603.786	118%	9.699.824
	BHXH; y tế; BHTN	103đ	8.150.270	9.603.786	118%	9.699.824
VII	TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP					
1	CBCNV đến cuối kỳ	người	1.480	626	42%	1.419
2	CBCNV bình quân	người	1.480	755	51%	1.419
3	Tổng quỹ lương thực trả	103đ	156.565.000	90.909.317	58%	175.617.556
4	Các khoản thu nhập khác	103đ	1.500.000		0%	
5	Tổng thu nhập	103đ	158.065.000	90.909.317	58%	175.617.556
6	Tiền lương b/q CBCNV	103đ	8.816	10.034	114%	10.313
7	Thu nhập b/q CBCNV	103đ	8.900	10.034	113%	10.313
VIII	TSCĐ VÀ KHẤU HAO TSCĐ					
1	Nguyên giá BQ cân tính KH	103đ	531.839.863	499.543.280	94%	535.769.624
2	Số tiền trích khấu hao	103đ	47.347.025	43.935.255	93%	46.344.538
3	Tỷ lệ khấu hao	103đ	8,9%	8,8%	99%	8,7%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	103đ	932.110.905	932.110.905	100%	942.023.037
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	103đ	966.221.314	942.023.037	97%	983.701.100
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	103đ	261.362.233	240.575.725	92%	266.683.874
IX	VỐN K.DOANH ĐẾN CKỶ	103đ	1.549.296.989	1.339.495.619	86%	1.717.021.695
1	Vốn chủ sở hữu	103đ	644.058.525	628.283.310	98%	643.908.832
a	Vốn điều lệ	103đ	342.340.000	342.340.000	100%	342.340.000

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9			
			KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN 2018	TỶ LỆ HT NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019
	Vốn góp của TCT SĐà	103đ	200.269.440	200.269.440	100%	200.269.440
	Vốn của các cổ đông	103đ	142.070.560	142.070.560	100%	142.070.560
b	Thặng dư vốn	103đ	21.400.709	21.400.709	100%	21.400.709
c	Quỹ ĐTPPT	103đ	217.725.042	216.878.453	100%	219.965.678
d	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	103đ	62.592.774	47.664.148	76%	60.202.445
2	Nguồn vốn vay	103đ	905.238.464	711.212.309	79%	1.073.112.864
	- Vay ngắn hạn	103đ	500.000.000	463.980.748	93%	500.000.000
	- Vay dài hạn	103đ	405.238.464	247.231.561	61%	573.112.864
3	Tổng tài sản	103đ	1.699.296.989	1.825.047.878	107%	2.097.021.695
4	Nợ phải trả	103đ	1.055.238.464	1.196.764.568	113%	1.453.112.864
5	Nợ phải trả/VCSH	Lần	1,64	1,90	116%	2,26
6	Nợ vay NH/VCSH	Lần	1,41	1,13	81%	1,67
7	Nợ phải trả/VĐL	Lần	3,08	3,50	113%	4,24
X	CỔ TỨC	%	10%	5%		10%

Hà Nội, ngày tháng 2 năm 2019

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trần Thế Quang

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2018 VÀ
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2019

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 (HĐQT) trân trọng báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2018

Trong năm 2018, HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ của Công ty

1. Công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã họp định kỳ hàng quý, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh và kiểm điểm tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý.
- Ban hành các Nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị, kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- Giám sát việc thực hiện sản xuất kinh doanh thông qua việc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định phù hợp với quy định của Pháp luật, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, có nhiều ý kiến đóng góp vào công việc quản trị điều hành và có những nhận xét đánh giá đúng mức vai trò trách nhiệm của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm điều hành của Ban tổng giám đốc và đã theo dõi sát diễn biến tình hình, kịp thời có những chỉ đạo và giải pháp đối sách thích hợp để thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Kết quả giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác

- Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực và cố gắng của Ban Tổng giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, đạt lợi nhuận cao, đặc biệt trong lĩnh vực tiếp thị tìm kiếm việc làm cho đơn vị.
- Năm 2018, Hội đồng quản trị không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty và không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến Ban Tổng giám đốc Công ty và chức danh quản lý khác
- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ Công ty, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm.

3. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	905.000	584.173	65
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	831.908	501.883	60
3	Lợi nhuận	10 ⁶ đ	50.000	25.359	51
4	Dự kiến tỷ lệ cổ tức	%			5%

b. Về công tác quản lý sản xuất:

- Hội đồng quản trị Công ty đã thường xuyên bám sát tình hình nhiệm vụ của Công ty, ngoài các cuộc họp thường kỳ hàng quý Hội đồng quản trị còn duy trì các cuộc họp định kỳ hàng tháng giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, qua đó kịp thời đưa ra các giải pháp cùng ban Tổng giám đốc điều hành xử lý, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý điều hành nói chung, đồng thời giúp cho các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của HĐQT luôn phù hợp với yêu cầu thực tiễn và phát huy được hiệu quả.

- Hội đồng quản trị đã luôn bám sát tình hình thực tế của đơn vị, tạo điều kiện để Ban Tổng giám đốc chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD, phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi công các công trình để hoàn thành và bàn giao đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Các nội quy, quy chế quản lý của Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo xây dựng, sửa đổi bổ sung một số quy chế quản lý nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế quản lý của Tổng Công ty Sông Đà; đồng thời phát huy được sự chủ động, tự chịu trách nhiệm của lãnh đạo Công ty và các đơn vị trong thực thi các quyền liên quan đến hoạt động điều hành công ty. Cụ thể năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo sửa đổi bổ sung và quyết định ban hành 10 quy chế, quy định. Các quy chế của đơn vị đã đảm bảo đã hướng tới sự tuân thủ pháp luật và phát huy tính chủ động cao của bộ máy quản lý.

c. Công tác phân tích đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh tại các đơn vị cũng được nâng cao. Hội đồng quản trị Công ty đã trực tiếp tham gia kiểm tra, chỉ đạo kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ quan Công ty, của các đơn vị và đã có nhiều giải pháp quan trọng hỗ trợ các đơn vị thực hiện và hoàn thành mục tiêu tiến độ tại các công trình cũng như phân bổ các nguồn lực của Công ty phục vụ cho sản xuất.

d. Về công tác quản lý đầu tư:

- Tổng giá trị đầu tư của Công ty năm 2018 là 296,853 tỷ đồng/KH 438,524 tỷ đồng (68%). Nhìn chung việc quản lý đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty đều tuân thủ các quy định của pháp luật phù hợp với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đáp ứng được yêu cầu ổn định và phát triển sản xuất của Công ty.

- Phê duyệt thông qua các gói thầu thuộc kế hoạch LCNT dự án thủy điện Pa Ke đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và quy chế nội bộ của đơn vị.

- Phê duyệt thông qua các hợp đồng xây lắp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị công ty.

4. Các cuộc họp và nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty năm 2018:

- Hội đồng quản trị có 04 cuộc họp thường kỳ vào đầu các quý, các cuộc họp này có nội dung chủ yếu: Phê duyệt thực hiện sản xuất kinh doanh của quý trước, các mặt làm được, chưa làm được, các tồn tại và giải pháp khắc phục; duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh quý tiếp theo cùng các giải pháp thực hiện; và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Họp thường xuyên hàng tháng giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng công ty để kịp thời chỉ đạo và đưa ra các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, mục tiêu tiến độ các công trình trọng điểm của công ty, của các đơn vị.
- Năm 2018 Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 150 chỉ thị, nghị quyết, quyết định liên quan đến công tác quản lý và điều hành Công ty.
- Nhìn chung các quyết định, nghị quyết và chỉ thị của Hội đồng quản trị Công ty đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy chế hiện hành của đơn vị và kịp thời đảm bảo công tác quản lý điều hành.

5. Lương, Thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị công ty năm 2018

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHQĐ 2018	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHQĐ 2018 được hưởng 70% KH	Tổng thù lao năm 2018 (đồng)
I	Lương của cán bộ chuyên trách					
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	45.000.000	31.500.000	378.000.000
2	Trưởng ban Kiểm soát	1	< 12	23.000.000	16.100.000	188.809.091
II	Thù lao					
1	Thành viên HĐQT	3	12	5.000.000	3.500.000	126.000.000
2	Thành viên HĐQT	1	1	5.000.000	3.500.000	3.500.000
3	Thành viên HĐQT	1	9	5.000.000	3.500.000	31.500.000
4	Thành viên BKS	2	12	3.000.000	2.100.000	50.400.000
5	Thư ký	1	12	3.000.000	2.100.000	25.200.000
	Tổng cộng					803,409,091

Các chi phí hoạt động, giao dịch, công tác phí của Hội đồng quản trị trong năm qua thực hiện theo đúng quy chế quy định của đơn vị.

6. Báo cáo quyết toán lương của cán bộ điều hành Công ty:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Lương KH được HĐQT phê duyệt	Lương được hưởng 70% KH	Tổng lương 2018 (đồng)
1	Tổng giám đốc	1	12	40.000.000	28.000.000	336.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	1	12	30.000.000	21.000.000	252.000.000
3	Phó Tổng giám đốc	1	< 12	30.000.000	21.000.000	236.382.151
3	Phó Tổng giám đốc	1	> 2	30.000.000	21.000.000	58.434.783
4	Kế toán trưởng	1	<12	28.000.000	19.600.000	230.042.105
						1,112,859,039

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

1. Mục tiêu - chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2019:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 800.000 tỷ đồng;
- Doanh thu : 750.000 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 40.000 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 34.000 tỷ đồng;
- Giá trị Đầu tư : 357.417 tỷ đồng;
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến) : 10 %

2. Nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019:

2.1. Chỉ đạo hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch đề ra, đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng kỹ thuật, an toàn các công trình mà Công ty đảm nhận thi công theo thỏa thuận với chủ đầu tư. Chỉ đạo hoàn thành xây dựng công trình xây dựng, phát điện nhà máy thủy điện Pa Ke và các dự án đầu tư khác của Công ty đúng trình tự, thủ tục pháp lý về đầu tư, triển khai đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả ngay trong quá trình thực hiện đầu tư.

2.2. Duy trì sự lãnh đạo và sự kiểm sát của Hội đồng quản trị đối với công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của công ty; đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019 được triển khai và thực hiện tốt. Tiếp tục duy trì sự trao đổi thông tin thường xuyên hàng tháng của Chủ tịch Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý có liên quan nhằm tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh, cũng như đảm bảo cho việc thực hiện tốt kế hoạch SXKD.

2.3. Chỉ đạo và nâng cao hiệu hoạt động, trong công tác pháp chế và quản lý rủi ro, đảm bảo việc quản lý toàn diện, có chiều sâu đối với từng hợp đồng, từng công trình giảm thiểu các rủi ro hoạt động, cũng như các rủi ro từ môi trường và đối tác mang đến cho đơn vị trong công tác quản lý điều hành.

2.4. Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp. Thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy quản lý của Công ty, của đơn vị; triển khai các giải pháp xây dựng bộ máy, hoàn thiện cơ chế quản lý điều hành của Công ty theo hướng: Chuyên nghiệp, gọn nhẹ, có trách nhiệm, tôn trọng luật pháp và quy chế quản lý nội bộ đảm bảo không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và cùng chia sẻ lợi ích thu được từ sự phát triển của doanh nghiệp.

2.5. Tiếp tục rà soát và hoàn thiện chế độ chính sách, cơ chế quản lý của Công ty đối với người lao động nhằm nâng cao trách nhiệm, quyền lợi và tăng cường sự gắn kết của người lao động đối với đơn vị, đặc biệt là lực lượng lái xe, lái máy và công nhân kỹ thuật khác.

2.6. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các đơn vị và các công trình theo định kỳ hàng quý; đặc biệt tập trung cho sự phân tích đánh giá đối với từng công trình, qua đó tiếp tục hoàn thiện các chỉ tiêu của chính sách về giá thành, của các định mức kinh tế, kỹ thuật được áp dụng tại Công ty đảm bảo tính khoa học, phù hợp với môi trường kinh doanh hiện tại và giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

- 2.7. Tiếp tục triển khai ứng dụng các phần mềm và các công cụ hỗ trợ quản lý đảm bảo nâng cao thực sự chất lượng thông tin phục vụ cho công tác quản lý điều hành của Công ty.
- 2.8. Củng cố và đầu tư thích đáng các nguồn lực cho công tác thị trường, đầu thầu phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Tăng cường các mối quan hệ với các khách hàng có nhiều tiềm năng để cùng đầu tư, phát triển.
- 2.9. Chỉ đạo và kiểm tra về công tác quản trị và công bố thông tin định kỳ, bất thường của Công ty theo quy định của pháp luật
- 2.10. Chỉ đạo tập trung hoàn thiện, sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của đơn vị, tạo hành lang pháp lý để đơn vị hoạt động.

Kính thưa Quý vị đại biểu và Quý cổ đông./.

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung báo cáo, Hội đồng quản trị sẽ xây dựng lộ trình và chương trình cụ thể trên tinh thần đổi mới kèm theo biện pháp chỉ đạo quyết liệt, triệt để, nhằm đưa Công ty cổ phần Sông Đà 9 đạt được các mục tiêu mà Đại hội đã đề ra.

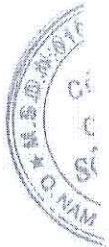
Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin tỏ lòng biết ơn đối với sự ủng hộ tín nhiệm của toàn thể quý vị cổ đông trong thời gian qua. Kính chúc Quý vị đại biểu và Quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 9

Nguyễn Hoàng Cường
Nguyễn Hoàng Cường



CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ban kiểm soát

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/SD9-BKS

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO

CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2019

Kính thưa: Toàn thể quý Cổ đông

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước cộng hòa XHCNVN thông qua ngày 26/11/2014.
- Quy chế về quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 9 liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 9.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 trong năm 2018 như sau:

I. Phạm vi kiểm soát:

1. Kiểm soát chiến lược: Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
2. Kiểm soát hoạt động: Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu trong quản lý, điều hành hoạt động (SXKD) và đầu tư của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm ẩn hoặc những sai phạm, thiết sót để từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp đến Ban lãnh đạo Công ty.
3. Kiểm soát báo cáo tài chính: Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị hàng quý của công ty nhằm đánh giá tính hợp lý và minh bạch của các số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập vào giữa năm và cuối năm xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực hiện các kiến nghị của đơn vị Kiểm toán.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018:

Năm 2018, Ban Kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động của công ty.
- Tham gia đủ 04 cuộc họp của HĐQT. Ban Kiểm soát đã trao đổi và tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty.
- Ban kiểm soát tổ chức 03 cuộc họp với các nội dung chủ yếu: Thông qua báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; Bầu chức danh Trưởng Ban Kiểm soát Công ty đối với bà Vũ Thị Minh Nguyệt; Thông qua báo cáo thẩm định tình hình hoạt động SXKD và tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2018;
- BKS đã thực hiện các công việc như kiểm tra, rà soát các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; đưa ra những khuyến nghị sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định quản lý nội bộ của Công ty và pháp luật.
- Kiểm tra, xem xét sổ kế toán và tài liệu kế toán tại một số đơn vị kế toán. Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng kết quả hoạt động SXKD và đầu tư, từ đó có biện pháp kiến nghị kịp thời.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc theo Nghị quyết của HĐQT và Điều lệ của Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2018.
- Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty; báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.
- Thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT; Báo cáo kết quả công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.
- Trong năm, Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu nào liên quan đến hoạt động quản lý điều hành Công ty của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban Kiểm soát tự đánh giá đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua.

III. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2018:

Trên cơ sở báo cáo của HĐQT, Tổng giám đốc về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động SXKD năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và kết quả thực hiện chức năng

nhệm vụ của Ban, các thành viên Ban Kiểm soát đưa ra một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

1.1 Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu – theo Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019 ngày 19/3/2019 của Tổng giám đốc Công ty. Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội:

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch Năm 2018	Thực hiện Năm 2018	Tỷ lệ HTKH (%)
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	905	584,173	65
2	Doanh thu	Tỷ đồng	831,908	418,462	51
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50	25,359	51
4	Giá trị Đầu tư	Tỷ đồng	438,524	296,853	48
	Mở rộng SX (TĐ Pake)	Tỷ đồng	351,422	286,051	81
	Bổ sung và nâng cao năng lực TBTC	Tỷ đồng	87,102	10,802	12
5	Tỷ lệ cổ tức	%	10	DK: 05	50

- Trong năm 2018, mặc dù Công ty đã đảm bảo tìm kiếm đủ việc làm cho người lao động, tuy nhiên hiệu quả hoạt động SXKD không cao. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua đều hoàn thành ở mức thấp.
- Theo đánh giá của Ban Kiểm soát, đơn vị chưa có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mọi mặt trước khi triển khai thi công, cùng với đó là điều kiện thời tiết không thuận lợi và một số nguyên nhân khách quan khác dẫn đến chậm tiến độ tại các công trình; và là một trong những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm.
- Công tác đầu tư không hoàn thành kế hoạch do chậm tiến độ thi công tại dự án thủy điện Pake và chậm hoàn thành các thủ tục mua sắm 10 xe ô tô tải ben tự đổ.
- Công ty hoàn thành thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Đầu tư & Phát triển khu kinh tế Hải Hà với giá trị thu hồi là 1,003 tỷ đồng/1 tỷ đồng giá gốc. Giá trị các khoản đầu tư khác đang trong giai đoạn tìm đối tác, chưa hoàn thành thoái vốn là 31,413 tỷ đồng.

1.2 Về công tác kế toán và báo cáo tài chính năm 2018:

- Công ty đã thực hiện tương đối đầy đủ và đang dần khắc phục các hạn chế, tồn tại để đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành; trong việc tổ chức công tác kế toán, lập, luân chuyển chứng từ, hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Báo cáo tài chính năm 2018 được CN Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C kiểm toán và đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2018, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được điều chỉnh theo thông báo kết quả kiểm toán ngày 15/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V.
- Một số chỉ tiêu chủ yếu trên báo cáo tài chính năm 2018:
 - + Tổng tài sản : 1.825.047.978.512, đồng
 - ✓ Tài sản ngắn hạn : 1.075.253.005.987, đồng
 - ✓ Tài sản dài hạn : 749.794.972.525, đồng
 - + Nguồn vốn : 1.825.047.978.512, đồng
 - ✓ Nợ phải trả : 1.196.764.667.938, đồng
 - ✓ Nguồn vốn chủ sở hữu : 628.283.310.574, đồng
 - + Doanh thu : 418.463.001.337, đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế : 25.359.108.362, đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế : 23.747.885.472, đồng
- Ban Kiểm soát cơ bản đồng ý với các đánh giá về hoạt động tài chính trong các báo cáo của Công ty và đơn vị kiểm toán là đảm bảo tính hợp pháp theo chế độ kế toán và pháp luật hiện hành, tuy nhiên, cần xem xét lại việc áp dụng tỷ lệ lãi định mức là 10% trong việc xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm 2018 và các năm trước đó.
- So sánh một số chỉ số năm 2018 với năm 2017:

TT	Các chỉ số	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ tăng/-giảm (%)
1	Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Tổng nợ)	Lần	1,76	1,52	-0,24
2	Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,52	1,11	-0,41
3	Hệ số nợ (Nợ phải trả/Vốn chủ sở)	Lần	1,34	1,9	+0,56

	hữu)				
4	Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	7,7	6	-1,7
5	Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ (ROE)	%	6,62	4	-2,62
6	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	2,87	1	-1,87

- ✓ Hiện tại, các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty được đảm bảo. Tuy nhiên, chỉ số này giảm so với năm 2017; trong khi tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tăng, cho thấy Công ty đang gia tăng việc sử dụng vốn vay.
- ✓ Các chỉ số ROE và ROA của Công ty giảm với biên độ tương đối lớn so với năm 2017 cho thấy kết quả SXKD năm 2018 chưa được cải thiện so với năm 2017; đặc biệt là hoạt động xây lắp (vì lợi nhuận thực hiện năm 2017 chủ yếu thu được từ hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác, không phải hoạt động xây lắp); hiệu quả sử dụng vốn đang có chiều hướng giảm.

1.3 Tình hình công nợ phải thu và hàng tồn kho

DVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	31/12/2017	31/12/2018	Tỷ lệ tăng/ - giảm
1	Phải thu khách hàng	603	623	+3,8%
2	Phải thu ngắn hạn khác	53	51	-3,7%
3	Hàng tồn kho	216	216	0

- **Công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2018** là 623 tỷ đồng: cho thấy công tác thu hồi công nợ chưa tốt, ảnh hưởng đến dòng tiền cho sản xuất, hiệu quả hoạt động SXKD và quan hệ tín dụng của Công ty. Một số công trình có mức công nợ lớn là CTCP TĐ Đức Long Gia Lai: 51 tỷ, BĐH DA TĐ Xe Ka Man 1: 78 tỷ, BĐH Xe Ka Man 3: 75 tỷ, CTCP Sông Đà 5: 27 tỷ, BQLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông đô thị: 22 tỷ và một số đơn vị khác.
- **Phải thu ngắn hạn khác đến 31/12/2018** là: 51 tỷ đồng, giảm 3,7% so với thời điểm 31/12/2017; trong đó: Phải thu khác 22,7 tỷ đồng, nợ tạm ứng 28,3 tỷ đồng. Công ty chưa thực hiện tốt công tác hoàn ứng và thu hồi công nợ cá nhân.
- Tỷ lệ đối chiếu, xác nhận công nợ cuối kỳ thấp; chưa rà soát và trích lập dự phòng đầy đủ đối công nợ phải thu khó đòi (trong đó có công nợ cá nhân và công nợ tạm ứng).

- **Hàng tồn kho đến 31/12/2018** là: 216 tỷ đồng, trong đó giá trị nguyên vật liệu là 24,6 tỷ đồng, chi phí SXKD dở dang là 190 tỷ đồng. Một số công trình có chi phí SXKD dở dang rất lớn như: Công trình thủy điện Xekaman1: 93 tỷ đồng; công trình thủy điện Nậm Theun1: 33 tỷ đồng, CTTĐ Tân Thuong: 27,4 tỷ đồng.
- Giá trị công nợ phải thu và hàng tồn kho lớn gây khó khăn về vốn và tiềm ẩn nhiều rủi ro về tài chính cho hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

Trong năm 2018, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện chức trách, nhiệm quản lý, điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành, cụ thể:

- HĐQT tổ chức 04 cuộc họp định kỳ vào đầu các quý. Các cuộc họp của HĐQT được chuẩn bị và diễn ra đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT đã ban hành các quyết định, nghị quyết và văn bản, chỉ thị quản lý để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty phù hợp và kịp thời với tình hình thực tế.
- Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các nghị quyết của HĐQT có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT.
- Công tác chỉ đạo của HĐQT mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn; đồng thời chỉ đạo sát công tác điều hành SXKD. HĐQT đã chỉ đạo và kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc điều hành trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành.
- HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện toàn bộ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời và linh hoạt. Ban Kiểm soát chưa thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty.
- Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế cơ bản đảm bảo theo đúng pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ tổ chức hoạt động và quy chế quản lý hợp đồng của Công ty; tuy nhiên cũng có một số vấn đề đã được các cơ quan thanh, kiểm tra và Ban Kiểm soát nêu, đề nghị đơn vị chấp hành đầy đủ.
- Công ty quản lý và hạch toán kế toán cơ bản thực hiện theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty, tuy nhiên, tại một số đơn vị, công tác lập, luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán còn chưa được thực hiện đầy đủ theo quy định.

- Kế hoạch tài chính, kế hoạch SXKD được lập đầy đủ nhưng chưa sát với tình hình thực tế.
- Tiến độ thi công tại nhiều công trình còn chậm, giá trị công nợ lớn và chưa có giải pháp cụ thể cho việc thu hồi công nợ khó đòi.
- Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận, chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2017 đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông.
- Hiện tại, Công ty kiểm soát được nợ quá hạn; nhưng cần quản lý và sử dụng vốn lưu động hợp lý và hiệu quả hơn để cải thiện khả năng thanh toán cũng như đảm bảo dòng tiền cho SXKD trong thời gian tới.
- Tổ chức triển khai công tác đầu tư đảm bảo tuân thủ theo quy định.
- Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp trong năm 2018 được HĐQT chỉ đạo, triển khai và đạt được một số kết quả nhất định như: sắp xếp bộ máy quản lý từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, tăng cường công tác đào tạo cán bộ; thực hiện các giải pháp về quản trị doanh nghiệp tuy nhiên kết quả chưa được như mong muốn. Thực hiện thoái vốn không đạt mục tiêu kế hoạch.
- HĐQT chỉ đạo sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý nội bộ phù hợp với những thay đổi của các quy định pháp luật.
- Công tác phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và HĐQT: Các cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát đều được mời tham dự và tham gia ý kiến, đóng góp xây dựng công tác tổ chức quản lý, điều hành SXKD và chiến lược, kế hoạch phát triển Công ty.
- Việc cung cấp báo cáo, thông tin, tài liệu về tình hình hoạt động SXKD, ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế, tài chính – kế toán, quản trị rủi ro,.. của các đơn vị, phòng ban trong Công ty chưa đầy đủ và không kịp thời làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Kiểm soát viên.

IV. Kết luận và kiến nghị:

- Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 của HĐQT Công ty.
- Ban Kiểm soát nhất trí với kế hoạch và các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty trong năm 2019; trong đó cần chú trọng đổi mới cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành; khai thác, sử dụng các nguồn lực vào SXKD một cách triệt để; xây dựng cơ chế quản lý vốn ngay từ khi bắt đầu thi công cho đến khi kết thúc công trình, dự án để kiểm soát nguồn vốn tốt hơn: tối đa hóa lợi ích, không để nguồn vốn nhàn rỗi, sử dụng vốn tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí.

- Giá trị công nợ phải thu và hàng tồn kho lớn gây khó khăn về vốn và tiềm ẩn nhiều rủi ro về tài chính cho Công ty. Do vậy, Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT và Ban Tổng giám đốc cần quan tâm hơn nữa công tác thu hồi vốn, quản lý công nợ để đảm bảo dòng tiền cho sản xuất, chi trả cổ tức, trả nợ ngân hàng và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Thực hiện tốt các quy định về quản lý công nợ; đặc biệt có các giải pháp triệt để, khả thi để thu hồi các khoản công nợ đối với cá nhân đã nghỉ việc hoặc chuyển công tác.
- Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc phát huy hơn nữa vai trò Kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, hạch toán kinh doanh, phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả SXKD (trọng tâm là hoạt động xây lắp) và thu gọn các đầu mối hoạt động kém hiệu quả để nâng cao hiệu quả hoạt động chung toàn Công ty; kiên quyết không để tình trạng chậm tiến độ và thua lỗ.
- Đề nghị Ban Lãnh đạo Công ty thực hiện nghiêm túc kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán, các kiến nghị Kiểm soát viên.
- Đề nghị HĐQT tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số Quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của Pháp luật và sự phát triển của Công ty để hoàn thành kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019: Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

V. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019.

- Kiểm soát việc ban hành, tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT nhằm đảm bảo tính thực thi và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và các buổi làm việc định kỳ giữa Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong công ty.
- Thực hiện kiểm tra tình hình SXKD, công tác tài chính kế toán trực tiếp tại chi nhánh Sông Đà 9.01, chi nhánh Sông Đà 9.10 và các đơn vị khác khi thấy cần thiết.
- Thực hiện các công việc khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Trên đây là báo cáo về kết quả kiểm soát năm 2018, hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2019;
- HĐQT Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Thị Minh Nguyệt



Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2019

**TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

V/v Phân phối lợi nhuận chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018;
Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và một số nội dung trình ĐHQT
ủy quyền cho HĐQT.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 26/4/2018;
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo và trình trước Đại Hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận chia cổ tức và trích quỹ năm 2018

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	
1	Lợi nhuận trước thuế	25.359.108.362	đồng
2	Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	8.926.166.699	đồng
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.785.233.340	đồng
4	Thuế thu nhập hoãn lại	174.010.450	đồng
5	Lợi nhuận sau thuế (5=1-3+4)	23.747.885.472	đồng
6	Quỹ đầu tư phát triển (13% LN phân phối)	3.087.225.111	đồng
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LN phân phối)	2.374.788.547	đồng
7	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	56.700.000	đồng
8	Lợi nhuận chia cổ tức 5% (72,1% LN phân phối)	17.117.000.000	đồng
9	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	5%	đồng
10	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	1.112.171.814	đồng



2. Thực hiện chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Thứ ký năm 2018 :

2.1. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua: Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch; do đó mức lương, thù lao năm 2018 như sau:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 được hưởng 70% KH	Tổng thù lao năm 2018 (đồng)
I	Lương của cán bộ chuyên trách					
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	45.000.000	31.500.000	378.000.000
2	T.ban Kiểm soát	1	<12	23.000.000	16.100.000	188.809.091
II	Thù lao					
1	Thành viên HĐQT	3	12	5.000.000	3.500.000	126.000.000
2	Thành viên HĐQT	1	1	5.000.000	3.500.000	3.500.000
3	Thành viên HĐQT	1	8	5.000.000	3.500.000	28.000.000
4	Thành viên BKS	2	12	3.000.000	2.100.000	50.400.000
5	Thứ ký	1	12	3.000.000	2.100.000	25.200.000
	Tổng cộng					799,909,091

2.2. Báo cáo quyết toán lương của Tổng giám đốc Công ty:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Lương KH được HĐQT phê duyệt	Lương được hưởng 70% KH	Tổng lương 2018 (đồng)
1	Tổng giám đốc	1	12	40.000.000	28.000.000	336.000.000

3. Phương án chi trả lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2019

T T	Chức danh	Số người	Mức thù lao/tháng (đồng)	Mức lương/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1		45.000.000
2	TB Kiểm soát chuyên trách	1		23.000.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	4	5.000.000	
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	3.000.000	
5	Thư ký	1	3.000.000	

- Lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương, thù lao thực hiện được xác định bằng mức tiền lương, thù lao kế hoạch như trên.

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương, thù lao tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20%.

- Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương, thù lao giảm trừ 1% so với mức tiền lương, thù lao kế hoạch. Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch

4. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty phê duyệt: Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị từ ba mươi lăm phần trăm trở lên (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ
Nguyễn Hoàng Cường

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Số: 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2019

(DỰ THẢO) NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 và các Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/NĐ-CP.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty bổ sung, sửa đổi thông qua ngày 26/4/2018;
- Căn cứ Biên bản số 01/2018/BB/ĐHĐCĐ ngày 24/4/2019 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2019,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2019 thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của công ty kiểm toán độc lập; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Tỷ lệ biểu quyết % tán thành.

1.1 Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	905.000	584.173	65
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	831.908	501.883	60
3	Lợi nhuận	10 ⁶ đ	50.000	25.359	51
4	Tỷ lệ cổ tức	%			5%



1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 800 tỷ đồng;
- Doanh thu : 750 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 40 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 34 tỷ đồng;
- Giá trị Đầu tư : 357 tỷ đồng;
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến) : 10 %

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018; kế hoạch chương trình công tác của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019. Phụ lục số 01 kèm theo

Tỷ lệ biểu quyết % tán thành.

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2018; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2019. Phụ lục số 02 kèm theo

Tỷ lệ biểu quyết % tán thành.

4. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018.

Tỷ lệ biểu quyết % tán thành.

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	
1	Lợi nhuận trước thuế	25.359.108.362	đồng
2	Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	8.926.166.699	đồng
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.785.233.340	đồng
4	Thuế thu nhập hoãn lại	174.010.450	đồng
5	Lợi nhuận sau thuế (5=1-3+4)	23.747.885.472	đồng
6	Quỹ đầu tư phát triển (13% LN phân phối)	3.087.225.111	đồng
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LN phân phối)	2.374.788.547	đồng
7	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	56.700.000	đồng
8	Lợi nhuận chia cổ tức 5% (72,1% LN phân phối)	17.117.000.000	đồng
9	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	5%	đồng
10	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	1.112.171.814	đồng

5. Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Thư ký năm 2018; phương án trả lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Thư ký năm 2019.

Tỷ lệ biểu % tán thành.

- 5.1 Tổng mức chi trả tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2018 : 799.909.091.000 đồng tương đương 70% KH, mức

chi trả thực hiện nghiêm túc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã thông qua.

5.2 Kế hoạch chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019:

TT	Chức danh	Mức thù lao/tháng (đồng)	Mức lương/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		45.000.000
2	TB Kiểm soát chuyên trách		23.000.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	5.000.000	
4	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000	
5	Thư ký công ty	3.000.000	

- Lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương, thù lao thực hiện được xác định bằng mức tiền lương, thù lao kế hoạch như trên.
- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương, thù lao tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20%.
- Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương, thù lao giảm trừ bằng 1% so với mức tiền lương, thù lao kế hoạch. Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch

6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019:

(Tỷ lệ biểu quyết % tán thành)

Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

7. Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt nội dung sau:

(Tỷ lệ biểu quyết % tán thành)

Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị từ ba mươi lăm phần trăm trở lên (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

8. Miễn nhiệm chức vụ thành viên độc lập Hội đồng quản trị công ty đối với bà Công Thị Thanh Huyền, nghề nghiệp: Cử nhân Tài chính Kế toán (.....)

9. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông... (.....)



10. Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2021:

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

Điều 3. Quyết nghị này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2019, các cổ đông của công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 9 theo nghĩa vụ và quyền hạn căn cứ quyết nghị thực hiện.

Nơi nhận:

- UBCK NN;
- Các cổ đông;
- HĐQT Cty;
- BKŞ Cty;
- TGD, PTGD Cty;
- Các phòng ban Cty;
- Lưu HĐQT, TCNS.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nguyễn Hoàng Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9;
 - Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Tôi là Nguyễn Văn Đại hiện là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9. Tôi được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9, nhiệm kỳ 2 từ 2016 -2021.

Nay tôi làm đơn này gửi đến Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận cho tôi xin từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9, kể từ ngày 24/4/2019.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi. Tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã tin tưởng và đồng hành cùng tôi suốt thời gian qua.

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Người làm đơn



Nguyễn Văn Đại

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. VỀ BẢN THÂN

- Họ và tên khai sinh: **VŨ ĐÌNH MINH**
- Họ và tên thường gọi: **Vũ Đình Minh**
- Bí danh: Không
- Ngày tháng năm sinh: 25/10/1969
- Nơi sinh: Xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có): Việt Nam
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 1305, tòa nhà hỗn hợp, tổ 8, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Địa chỉ theo chứng minh nhân dân: Phòng 1305, tòa nhà hỗn hợp, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.
- Nơi ở hiện nay: Phòng 1305, tòa nhà Sico, Số 2 ngõ 2 đường Nguyễn Hoàng, Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- Số chứng minh thư: 013022291
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện: Tổng công ty Sông Đà – CTCP_ Tòa nhà Sông Đà HH4, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.



2. TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN:

- Giáo dục phổ thông: 12/12
- Học hàm, học vị: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Đơn vị	Chức vụ, nhiệm vụ được giao
10/1993 - 3/1998	Công ty xây lắp thi công cơ giới Sông Đà 9	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty
4/1998 - 4/2000	Công ty Sông Đà 9.	Phó phòng Kỹ thuật chất lượng Công ty
5/2000 - 02/2002	Chi nhánh công ty Sông Đà 901 - Công ty Sông Đà 9 .	Phó Giám đốc chi nhánh, phụ trách kỹ thuật, chất lượng, an toàn
3/2002 - 4/2002	Công ty Sông Đà 9.	Phó phòng Kỹ thuật chất lượng Công ty
5/2002 - 02/2004	Công ty Sông Đà 9.	Trưởng phòng Kỹ thuật chất lượng Công ty
3/2004 - 01/2006	Công ty cổ phần Sông Đà 9.	Phó Tổng giám đốc công ty, phụ trách kỹ thuật, chất lượng, an toàn
02/2006 - 8/2008	Ban điều hành dự án thủy điện Huội Quảng - Tổng công ty Sông Đà.	Phó Giám đốc Ban, phụ trách kỹ thuật, chất lượng, an toàn.
9/2008 - 8/2010	Ban Quản lý kỹ thuật công nghệ TCT.	Phó Giám đốc Ban
9/2010 - 02/2012	Công ty cổ phần Sông Đà 3.	Tổng Giám đốc công ty
3/2012 - 8/2014	Ban điều hành thi công Nhà Quốc hội - Tổng công ty Sông Đà.	Phó Giám đốc Ban, phụ trách kỹ thuật, chất lượng, an toàn.
9/2014 - 02/2015	Ban Quản lý kỹ thuật công nghệ - Tổng công ty Sông Đà.	Phó Giám đốc Ban
3/2015 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà, Tổng công ty Sông Đà.	Phó Tổng giám đốc công ty, phụ trách kỹ thuật, chất lượng, an toàn
01/2016 - 4/2018	Ban Quản lý kỹ thuật công nghệ TCT.	Phó Giám đốc Ban
5/2018 - Đến nay	Ban Điều hành nội bộ dự án thủy điện NamTheun 1, TCT Sông Đà _CTCP	Giám đốc Ban

4. Quan hệ gia đình:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, đơn vị công tác nơi ở
Bố	Vũ Đình Tịch	1936	Quê quán: Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ. Hết tuổi lao động, ở Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ.
Mẹ	Kiều Thị Hoàng	1940	Quê quán: Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ. Hết tuổi lao động, ở Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ.
Vợ	Phạm Thị Hải Yến	1971	Quê quán: Thụy Phong, Thái Thụy, Thái Bình. Trung cấp LĐTĐ, Công ty CP Sông Đà 9- Phường Mỹ Đình 2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
Con	Vũ Việt Hải	1996	Quê quán: Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ Sinh viên trường ĐH FPT Hà Nội.
Con	Vũ Thu Phương	1999	Quê quán: Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ. Sinh viên Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội
Anh	Vũ Bá Hưng	1961	Quê quán: Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ. Cán bộ nghỉ hưu. Ở Thị trấn Cao Phong, Cao Phong, Hòa Bình.
Em	Vũ Thị Hải Nhâm	1972	Quê quán: Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ. Lao động tự do. Ở Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
Em	Vũ Thị Kim Tuyến	1976	Quê quán: Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ. Làm ruộng. Ở Tuy Lộc, Cẩm Khê, Phú Thọ.
Em	Vũ Đình Quân	1979	Quê quán: Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ. Lao động tự do. Ở Tuy lộc, Cẩm Khê, Phú Thọ.
Em	Vũ Thị Thủy	1983	Quê quán: Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ. Làm ruộng. Ở Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ.
Em	Vũ Đình Tâm	1986	Quê quán: Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ. Kỹ sư xây dựng. Ở Đông Ngạc, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

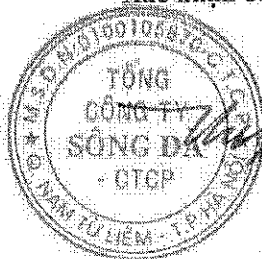
5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi, Vũ Đình Minh cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật, của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2019

Chữ ký và họ tên đầy đủ của người khai



Xác nhận của cơ quan
TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC BAN TCNS

Đặng Thị Tuyến

Vũ Đình Minh

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Stt	Người khai và người có liên quan của người khai	Số CMND, ngày cấp	Mối quan hệ với người khai	Chức vụ tại Công ty SD9	Chức vụ tại Công ty con SD9	Tỷ lệ vốn sở hữu hoặc đại diện sở hữu/vốn điều lệ tại SD9
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Người khai					
1	Vũ Đình Minh	013022291 cấp ngày 08/11/2007		Không	Không	0,87%
II	Những người có quan hệ thân thuộc (vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh chị em ruột)					
1	Vũ Đình Tịch	130400997 cấp ngày 06/01/1979	Bố	Không	Không	
2	Kiều Thị Hoàng	130400839 cấp ngày 05/1/1979	Mẹ	Không	Không	
3	Phạm Thị Hải Yến	013443197 cấp ngày 17/6/2011	Vợ	Nhân viên Phòng TCNS	Không	
4	Vũ Việt Hải	013431813 cấp ngày 09/8/2011	Con	Không	Không	
5	Vũ Thu Phương	064199000001 cấp ngày 26/3/2014	Con	Không	Không	
6	Vũ Bá Hưng	113520147 cấp ngày 14/4/2009	Anh	Không	Không	
7	Vũ Thị Hải Nhâm	132024850 cấp ngày 14/5/2007	Em	Không	Không	
8	Vũ Thị Kim Tuyền	131630102 cấp ngày 03/6/1996	Em	Không	Không	
9	Vũ Đình Quân	132005696 cấp ngày 17/11/2007	Em	Không	Không	
10	Vũ Thị Thủy	131579662 cấp ngày 04/9/2010	Em	Không	Không	
11	Vũ Đình Tâm	131180377 cấp ngày 04/01/2011	Em	Không	Không	

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2019

Người khai



Vũ Đình Minh

